TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 40/2025/QĐST-DS	*Đồng Tháp, ngày 24 tháng 12 năm 2025.*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Với *thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:***

Thẩm phán - chủ tọa phiên họp: Bà Dương Thị Hằng Ni.

Thư ký phiên họp: Ông Cao Trần Khắc Huy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp tham gia phiên họp: Ông Võ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 111/2025/TLST-VDS ngày 10 tháng 12 năm 2025 về việc "*Xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án*", theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự số: 214/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Ông Hồ Quang K, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Chức vụ: Chấp hành viên Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Văn N, sinh năm 1956 (vắng mặt).
2. Bà Nguyễn Thị Bé H, sinh năm 1959 (vắng mặt).
3. Anh Trần Văn Th, sinh năm 1984 (vắng mặt).
4. Anh Trần Văn Th1, sinh năm 1986 (vắng mặt).
5. Anh Trần Văn Th2, sinh năm 1988 (vắng mặt).
6. Anh Trần Văn Th3, sinh năm 1981 (vắng mặt).
7. Chị Nguyễn Thanh T4, sinh năm 1995 (vắng mặt).
8. Cháu Trần Nguyễn Kim T5, sinh năm 2017.

Đại diện theo pháp luật của của cháu Thư: Anh Trần Văn Th2 và chị Nguyễn Thanh T4.

Địa chỉ: Khu phố T, phường T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và tại phiên họp chấp hành viên Hồ Quang K trình bày: Với vai trò là một Chấp hành viên được phân công trực tiếp tổ chức thi hành các Bản án số 186/DSPT ngày 11/5/2011, số 202/DSPT ngày 19/5/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang nay thuộc tỉnh Đồng Tháp, Quyết định số 97/QĐST-HGT ngày 28/9/2010 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy; Quyết

định số 28/QĐST-DS ngày 06/6/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy nay thuộc Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp đối với ông Trần Văn N - sinh năm 1956, bà Nguyễn Thị Bé H - sinh năm 1959, cùng ngụ tại Khu phố T, phường T, tỉnh Đồng Tháp.

Theo nội dung các Quyết định thi hành án số 33/QĐ-CCTHADS ngày 19/11/2021, số 34/QĐ-CCTHADS ngày 23/11/2021, số 46/QĐ-CCTHADS ngày 01/12/2021, số 151/QĐ-CCTHADS ngày 30/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp thì ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị Bé H phải có nghĩa vụ thi hành trả cho những người được thi hành án với tổng cộng số tiền là 327.150.328 đồng và lãi chậm thi hành án. Đồng thời, ông Năm và bà Hoang còn phải chịu 31.725.745 đồng án phí sơ thẩm.

Theo kết quả xác minh điều kiện thi hành án của ông Trần Văn N, bà Nguyễn Thị Bé H xác định: Hiện nay ông Trần Văn N đang thay mặt hộ gia đình đứng tên quyền sử dụng đất thửa đất số 298, tờ bản đồ số 4, diện tích đo đạc thực tế 2.042,2m^2, mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn: 300m^2, Đất trồng cây lâu năm: 1.742,2m^2 (diện tích CLN giảm 44,1m^2 do mở rộng đường giao thông). Diện tích đất nằm trong hành lang bảo vệ an toàn dây dẫn điện 200kv: 636,7m^2. Diện tích đất nằm trong hành lang bảo vệ an toàn dây dẫn điện 110kv: 94,4m^2. Đất tọa lạc tại Khu phố T, phường T, tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ khoản 1 Điều 74, điểm c khoản 3 Điều 170 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), nay Chấp hành viên yêu cầu Toà án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp: Xác định thửa đất 298, tờ bản đồ 4 tại Khu phố T, phường T, tỉnh Đồng Tháp là tài sản chung của ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị Bé H và ông Trần Văn N, bà Nguyễn Thị Bé H có 1/3 quyền sở hữu tài sản gắn liền với thửa đất 298 là căn nhà có kết cấu nền gạch men + xi măng, cột bê tông cốt thép, mái tole, vách tole xi măng có diện tích 119,38m2 . Để Chấp hành viên làm cơ sở kê biên, xử lý tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Trần Văn N, bà Nguyễn Thị Bé H (là những người phải thi hành án) để đảm bảo thi hành án theo quy định tại Điều 74 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tại phiên họp:

Người yêu cầu vẫn giữ nguyên yêu cầu giải quyết việc dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đồng Tháp phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ việc từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm mở phiên họp giải quyết việc dân sự. Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của của Chấp hành viên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Chấp hành viên có đơn yêu cầu xác định phần quyền sử dụng đất, phần sở hữu nhà của ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị Bé H trong khối tài sản chung để thi hành án. Do đó, xác định quan hệ pháp luật là yêu cầu xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài

sản chung để thi hành án theo quy định tại khoản 9 Điều 27 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 35 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Xét yêu cầu giải quyết việc dân sự của Chấp hành viên Hồ Quang K là có căn cứ. Bởi lẽ:

[2.1] Tại các Quyết định thi hành án số: 33/QĐ – CCTHADS ngày 19/11/2021, 34 QĐ – CCTHADS ngày 23/11/2021, số 46/QĐ –CCTHADS ngày 01/12/2021, số 151/QĐ –CCTHADS ngày 30/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp thì ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị Bé H phải có nghĩa vụ thi hành án trả cho những người được thi hành án với số tiền 327.150.328 đồng và lãi chậm thi hành án, đồng thời, ông Năm và bà Hoang còn phải chịu 31.725.745 đồng án phí sơ thẩm.

Theo kết quả xác minh điều kiện thi hành án, hiện ông Trần Văn N có đại diện hộ gia đình đứng tên quyền sử dụng thửa đất số 298, tờ bản đồ 4 tại Khu phố T, phường T, tỉnh Đồng Tháp diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ "H" 02677 do Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 22/01/2007 là 2.086,3m^2, đo đạc thực tế 2.042,2m^2 giảm 44,1m^2 do mở rộng đường giao thông. Trên thửa đất 298 có một căn nhà có kết cấu: nền gạch men + xi măng, cột bê tông cốt thép, mái tole, vách tole xi măng có diện tích 119,38m^2 ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị Bé H khai đây là tài sản chung của hộ ông Năm gồm các thành viên: Trần Văn N, Nguyễn Thị Bé H, Trần Văn Th2, Trần Văn Th3, Trần Văn Th, Trần Văn Th1 nên ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị Bé H có điều kiện để thi hành án.

[2.2] Theo kết quả xác minh, thu thập chứng cứ do Chi nhánh Văn phòng đăng kí đất đai thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực VII – Đồng Tháp cung cấp thì thửa đất 298, tờ bản đồ 4 được cấp giấy trên cơ sở ông Trần Văn Diễn tặng cho ông Trần Văn N (cha cho con) phần đất thuộc thửa 1697, diện tích 500m^2 (thực tế ông Năm đã nhận tặng cho đất, cất nhà ở từ năm 1983) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00762 do Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 15/3/1993 cho ông Diễn cùng với việc ông Trần Văn N thực hiện cấp đổi quyền sử dụng thửa đất 1696, diện tích 1.000m2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00976 QSDĐ/1/102 do Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 15/3/1993 cho ông Trần Văn N. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất 1969 là đơn xin đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lập ngày 17/8/1989 của ông Năm, thời kì này các con của ông Năm và bà Hoang đều còn nhỏ tuổi.

[2.3] Ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị Bé H hiện đang trong thời kì hôn nhân.

Do đó, căn cứ quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, xác định quyền sử dụng thửa đất số 298, tờ bản đồ 4, đo đạc thực tế 2.042,2m^2 tại Khu phố T, phường T, tỉnh Đồng Tháp là tài sản chung của ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị Bé H. Và ông Trần Văn N bà Nguyễn Thị Bé H có 1/3 quyền sở hữu căn nhà có kết cấu nền gạch men + xi măng, cột bê tông cốt thép, mái tole, vách tole xi măng có diện tích 119,38m2 trên thửa đất 298.

[3] Về lệ phí: Căn cứ quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 4 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp hành viên không phải chịu lệ phí đối với yêu cầu trên.

[4] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp là phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 9 Điều 27, Điều 149 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 35 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025; Điều 33 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 74 Luật thi hành án dân sự năm 2014; khoản 4 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của chấp hành viên Hồ Quang K.

Xác định thửa đất 298, tờ bản đồ 4, đo đạc thực tế 2.042,2m^2 tại Khu phố T, phường T, tỉnh Đồng Tháp là tài sản chung của ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị Bé H.

Xác định ông Trần Văn N bà Nguyễn Thị Bé H có 1/3 quyền sở hữu căn nhà có kết cấu nền gạch men + xi măng, cột bê tông cốt thép, mái tole, vách tole xi măng có diện tích 119,38m^2 trên thửa đất 298.

2. Lệ phí sơ thẩm: Chấp hành viên không phải chịu.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Đối với người vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết.

Nơi nhận:
- *VKSND khu vực 4 – Đồng Tháp;*
- *Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;*
- *Người yêu cầu;*
- *Người liên quan;*
- *Lưu: Hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Dương Thị Hằng Ni

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Út.

Ông Nguyễn Văn Hiền.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 459/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc: "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Cúc, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Số 441, tổ 58, Ấp 4, xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn Hậu, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Chị Trần Thị Bảnh, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Anh Ngô Tấn Phát, sinh năm 1976 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 441, tổ 58, ấp 4, xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật[8].

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 92, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 13 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cúc.

Buộc anh Nguyễn Văn Hậu và chị Trần Thị Bảnh phải cùng liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Cúc số tiền hụi chết đã đến hạn 207.470.000 đồng.

Buộc anh Nguyễn Văn Hậu và chị Trần Thị Bảnh phải cùng liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Cúc số tiền hụi chết chưa đến hạn là 261.670.000 đồng, trả trong hạn như sau:

Tháng 01/2021 trả 30.000.000 đồng;

Tháng 02/2021 trả 26.000.000 đồng;

Tháng 3/2021 trả 24.000.000 đồng;

Tháng 4/2021 trả 22.000.000 đồng;
Tháng 5/2021 trả 20.000.000 đồng;
Tháng 6/2021 trả 103.800.000 đồng;
Tháng 7/2021 trả 9.000.000 đồng;
Tháng 8/2021 trả 9.000.000 đồng;
Tháng 9/2021 trả 9.000.000 đồng;
Tháng 10/2021 trả 9.150.000 đồng.

2.Về án phí: Anh Nguyễn Văn Hậu và chị Trần Thị Bảnh phải chịu 22.776.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả cho chị Nguyễn Thị Cúc 5.694.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0005939 ngày 09/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Nơi nhận:
THẨM
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni

THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)